

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ FPT

(Sửa đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 22/4/2007)

Tháng 4 năm 2007

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
PHẦN MỞ ĐẦU	4
I- ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1: Định nghĩa	4
II- TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
III- MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 3: Mục tiêu của Công ty	5
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
IV- VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 5: Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 6: Cổ phiếu	7
Điều 7: Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 8: Thu hồi cổ phần	9
V- CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 9: Cơ cấu tổ chức quản lý	9
VI- CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 10: Quyền hạn của Cổ đông Công ty	9
Điều 11: Nghĩa vụ của các Cổ đông phổ thông	11
Điều 12: Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 13: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 14: Các đại diện được uỷ quyền	14
Điều 15: Thay đổi các quyền	15
Điều 16: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo	15
Điều 17: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 18: Phê chuẩn các nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản	19
VII- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 19: Thành phần và nhiệm kỳ	20
Điều 20: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	21
Điều 21: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, và Thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 22: Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	23
Điều 23: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	24
VIII- TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	27
Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý	27
Điều 25. Người quản lý	27
Điều 26. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành.	27
Điều 27: Thư ký Công ty	28
IX- NHIỆM VỤ ĐƯỢC UỶ THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ	29

Điều 28. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Người quản lý.	29
Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	29
Điều 30. Trách nhiệm và bồi thường	30
X- BAN KIỂM SOÁT	30
Điều 31: Bổ nhiệm Ban Kiểm Soát	30
XI- QUYỀN KIỂM SOÁT SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	33
Điều 32: Quyền kiểm soát sổ sách và hồ sơ.....	33
XII- CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	33
Điều 33: Công nhân viên và công đoàn	33
XIII- PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	33
Điều 34: Cổ tức	33
XIV- TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	34
Điều 35: Tài khoản ngân hàng	34
Điều 36: Trích lập Quỹ	35
Điều 37: Năm tài chính	35
Điều 38: Hệ thống kế toán	35
XV- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	35
Điều 39: Báo cáo hàng năm	35
Điều 40: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	36
XVI- KIỂM TOÁN CÔNG TY	36
Điều 41: Kiểm toán.....	36
XVII- CON DẤU	36
Điều 42: Con dấu	36
XVIII- CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	36
Điều 43: Chấm dứt hoạt động	36
Điều 44: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông	37
Điều 45: Thanh lý	37
XIX- GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	38
Điều 46: Giải quyết tranh chấp nội bộ	38
XX- SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	38
Điều 47: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	38
XXI- NGÀY HIỆU LỰC	38
Điều 48: Ngày hiệu lực	38
Điều 49: Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị.....	39
PHỤ LỤC 01	40
1. Chi tiết Vốn Điều lệ của Công ty.....	40
2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Cổ đông Sáng lập tại ngày Thành lập Công ty.....	40

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với Luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi các Cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 13 tháng 10 năm 2006; gồm XXI chương, 49 điều như sau:

I- ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa

1- Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

- a) "**Hội đồng**" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty
- b) "**Địa bàn kinh doanh**" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài
- c) "**Vốn Điều lệ**" có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
- d) "**Luật doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- e) "**Ngày thành lập**" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- g) "**Pháp luật**" là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 12 tháng 11 năm 1996, và phần sửa đổi bổ sung được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2002.
- h) "**Người quản lý**" có nghĩa là Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc điều hành, kế toán trưởng, và các chức danh quản lý quan trọng khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và bãi miễn theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành.
- i) "**Những Người liên quan**" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 4 (17) của Luật doanh nghiệp.
- j) "**Cổ đông**" có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.
- k) "**Thời hạn**" có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được Hội đồng quản trị chấp thuận.
- m) "**Việt Nam**" có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2. Trong Điều lệ này khi nói đến một điều khoản hay một văn bản nào đó thì chúng sẽ bao gồm cả những điều khoản sửa đổi hay văn bản thay thế.

3- Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4- Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II- TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1- Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT. Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh là The Corporation for Financing and Promoting Technology. Tên viết tắt là FPT Corp.

2- Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

3- Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 8560300

Fax: (84-4) 8560316

Website: <http://www.fpt.com.vn>

4- Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5- Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép.

6- Thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ khi được chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 43 Điều lệ này.

III- MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu của Công ty

1- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Nghiên cứu, thiết kế, sản xuất chuyển giao công nghệ tin học và ứng dụng vào các công nghệ khác;
- Sản xuất phần mềm máy tính;
- Cung cấp các dịch vụ Internet và gia tăng trên mạng;
- Đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu cho công nghiệp phần mềm;
- Mua bán thiết bị, máy móc trong lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo, khoa học, công nghiệp, môi trường, viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, ô tô, xe máy;
- Dịch vụ đầu tư chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực môi trường, giáo dục đào tạo, y tế;
- Sản xuất, chế tạo, lắp ráp tủ bảng điện;
- Đại lý bán vé máy bay; Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất, chế tạo, lắp ráp các thiết bị công nghệ thông tin;
- Kinh doanh dịch vụ kết nối Internet (IXP);

- Sản xuất và phát hành phim ảnh, phim Video;
- Sản xuất chương trình phát thanh và truyền hình;
- Kinh doanh, đầu tư, môi giới bất động sản;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Mua, bán bản quyền các chương trình phát thanh và truyền hình
- Các lĩnh vực khác khi điều kiện của Công ty cho phép và phù hợp với quy định của Pháp luật.

2- Mục tiêu của Công ty là mong muốn trở thành một tổ chức kiểu mới, giàu mạnh, bằng nỗ lực sáng tạo trong khoa học, kỹ thuật và công nghệ, làm khách hàng hài lòng, góp phần hưng thịnh quốc gia, đem lại cho mọi thành viên của mình điều kiện phát triển đầy đủ nhất tài năng và một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2- Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

IV- VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5: Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1- Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ bao gồm Cổ phần phổ thông và Cổ phần ưu đãi nhân viên. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của từng loại cổ phần được quy định tại Điều 10, Điều 11 của Điều lệ này.

2- Vốn Điều lệ của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 01 kèm theo Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội Đồng Cổ đông. Mệnh giá thống nhất của 01 cổ phần là 10.000 VNĐ.

3- Cổ phần ưu đãi nhân viên

a) Công ty chỉ phát hành cổ phần ưu đãi nhân viên cho người lao động của Công ty.

b) Cổ phần ưu đãi nhân viên và cổ phần phát sinh từ cổ phần ưu đãi nhân viên do tăng vốn được chuyển thành cổ phần phổ thông sau 03 năm kể từ ngày phát hành cổ phần gốc.

4- Công ty có thể phát hành cổ phần mới cho nhân viên theo chính sách được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Cổ phần phát hành cho nhân viên của Công ty có thể là cổ phần ưu đãi nhân viên hoặc cổ phần phổ thông nhưng số lượng phát hành trong một năm không được vượt quá 5% tổng số cổ phần của Công ty tại thời điểm sau phát hành.

5- Công ty có thể tăng vốn Điều lệ khi được đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.

6- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

7- Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.

8- Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

9- Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi một ngày), để cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được đặt mua hết sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối, hoặc tặng các quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ phi các Cổ đông chấp thuận khác đi hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.

10- Công ty có thể mua cổ phần của chính mình theo bất kỳ cách nào mà Luật Doanh nghiệp cho phép, phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

11- Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, và khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của Pháp luật.

12- Công ty có thể phát hành và chào bán cổ phần theo phương thức đấu giá. Hội đồng quản trị được quyền quyết định giá chào bán và mức chiết khấu sao cho có lợi nhất cho các cổ đông và Công ty

Điều 6: Cổ phiếu

1- Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định, trừ trường hợp quy định tại Điều 6.8.

2- Mọi chứng chỉ cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.

3- Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) chuyển nhượng.

4- Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5- Nếu một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6- Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

7- Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

8- Căn cứ các quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không), được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 7: Chuyển nhượng cổ phần

1- Tất cả các cổ phần phổ thông đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán.

2- Cổ phần ưu đãi nhân viên và các cổ phần phát sinh từ cổ phần ưu đãi nhân viên do tăng vốn không được phép chuyển nhượng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày phát hành cổ phần gốc.

3- Trừ khi Hội đồng quản trị quy định khác đi (phù hợp với Luật Doanh nghiệp), việc chuyển nhượng các cổ phần ghi danh đều có thể được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo cách nào mà Hội đồng quản trị có thể chấp nhận và khi ấy cũng có thể chỉ là trao tay. Giấy tờ chuyển nhượng sẽ được ký giữa bên chuyển nhượng hoặc người thay mặt và (trừ trường hợp cổ phiếu đã được thanh toán đủ) bởi bên nhận chuyển nhượng hay người thay mặt. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông; nhưng bên nhận chuyển nhượng có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

4- Hội đồng quản trị có toàn quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với bất kỳ cổ phiếu ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ với Công ty.

5- Trường hợp một Cổ đông bị chết thì người thừa kế hoặc người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người hoặc những người duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với số cổ phần của người đã chết; nhưng sự thừa nhận ấy không giải trừ tài sản của Cổ đông đã chết khỏi các trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 8: Thu hồi cổ phần

1- Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

2- Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.

3- Nếu các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi số cổ phần đã nêu trong thông báo ấy vào bất cứ lúc nào trước khi Cổ đông liên quan thanh toán đầy đủ các khoản phải nộp, tiền lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị sẽ chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo các quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4- Cổ phần bị Công ty thu hồi hoặc do người sở hữu nộp lại sẽ trở thành tài sản của Công ty và Công ty có thể bán, phân phối hoặc xử lý theo một cách nào đó hoặc cho người đã từng nắm giữ số cổ phần đó trước khi bị thu hồi hay nộp lại, hoặc cho một người khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp. Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao số cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.

5- Cổ đông nào có cổ phần bị thu hồi hay đã nộp lại sẽ mất tư cách là Cổ đông đối với số cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới số cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc khi nộp lại phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 9%/năm) theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày bị thu hồi hoặc nộp lại cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định cưỡng chế buộc thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hay nộp lại hoặc miễn giảm việc ấy trong những mức độ nào đó.

6- Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V- CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Tổng giám đốc điều hành; và
- d) Ban kiểm soát.

VI- CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10: Quyền hạn của Cổ đông Công ty

1- Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi Cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà Cổ đông đó nắm giữ.

2- Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;

b) Nhận cổ tức;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;

d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.

e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội cổ đông và các nghị quyết của Đại hội cổ đông

g) Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi;

h) Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 90.1 của Luật doanh nghiệp; và

i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật

3- Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nhân viên:

a) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nhân viên có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, ngoại trừ trường hợp quy định ở khoản 3(b) Điều này.

b) Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nhân viên không được chuyển nhượng cho người khác trong thời hạn 03 năm kể từ ngày phát hành. Nếu cổ đông không còn làm việc cho Công ty trong thời hạn trên thì sẽ phải bán lại toàn bộ số cổ phần ưu đãi này và các cổ phần phát sinh từ nó do tăng vốn cho Công ty theo giá phát hành. Nếu cá nhân đó không thực hiện việc chuyển nhượng lại cho Công ty thì Công ty tự làm thủ tục và thông báo cho cá nhân đó đến nhận tiền và việc làm như vậy là đủ cơ sở pháp lý. Tại thời điểm Công ty mua lại, số cổ phần ưu đãi nhân viên này được chuyển loại thành cổ phần phổ thông.

4- Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại các Điều 19.2 và 31.3 tương ứng;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại Điều 79.3 Luật Doanh nghiệp;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và tuân theo các quy định của Điều 79.2(d) Luật Doanh nghiệp;

e) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 11: Nghĩa vụ của các Cổ đông phổ thông

Các Cổ đông phổ thông của Công ty có các nghĩa vụ sau:

1- Thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty;

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty;

3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;

5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 12: Đại hội đồng cổ đông

1- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các Cổ đông có quyền bỏ phiếu đều có quyền tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường.

2- Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được gia hạn nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3- Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ này quy định. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

4- Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy.

b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa.

c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ.

d) Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông quy định tại Điều 10.4 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan); và

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 của Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5- Quyết định triệu tập

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 4 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5(a) Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5(b) Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 10.4 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

e) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1- Đại hội đồng cổ đông Thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Báo cáo tài chính hàng năm;
- b) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở Công ty;
- d) Báo cáo của các kiểm toán viên;
- đ) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- e) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2- Đại hội đồng cổ đông Thường niên và Bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua Nghị quyết về các vấn đề sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;
- c) Mức cổ tức hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị một cách trung thực và sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- d) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- đ) Lựa chọn danh sách công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.
- f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị.
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định tại Điều 5.2;
- h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- i) Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
- l) Thông qua giao dịch mua, bán tài sản, đầu tư, góp vốn liên doanh, hợp đồng vay, cho vay, cầm cố, thế chấp tài sản của công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của công ty và các chi nhánh của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty.
- m) Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành;

n) Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Tổng giám đốc điều hành;

o) Công ty hoặc các chi nhánh nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người có liên quan được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất;

p) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3- Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một Nghị quyết nào để thông qua:

a) Các hợp đồng quy định tại Điều 13.2 nếu Cổ đông đó hoặc Người liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc

b) Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ Người liên quan đến Cổ đông đó, trừ các trường hợp sau:

- Công ty phát hành thêm cổ phiếu cho tất cả các cổ đông hiện hữu
- Công ty phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty phù hợp với các quy định của pháp luật”

4- Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các Nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 14: Các đại diện được uỷ quyền

1- Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo Pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là Cổ đông.

2- Việc chỉ định đại diện được uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận và;

a) Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người uỷ quyền và người được uỷ quyền dự họp;

b) Trường hợp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức và người được uỷ quyền dự họp.

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được uỷ quyền được một luật sư ký thay mặt cho người uỷ quyền thì thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của thư uỷ quyền đó phải được (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) nộp cùng với đơn chỉ định đại diện được uỷ quyền. Nếu điều này không được thực hiện thì việc chỉ định uỷ quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

3- Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

4- Lá phiếu bầu của đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định đại diện uỷ quyền đó đã:

- a) Chết, hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự
- b) Huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; hoặc
- c) Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 15: Thay đổi các quyền

1- Với sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông như được quy định tại Điều 13.2, khi vốn của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau, thì theo Luật Doanh nghiệp, các quyền dành cho từng loại cổ phần có thể được thay đổi hoặc huỷ bỏ khi có sự nhất trí bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của số cổ phần loại đó đã phát hành, hoặc với nghị quyết được thông qua bởi nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt tại một cuộc họp của riêng những người nắm giữ loại cổ phần đó.

2- Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) nắm giữ ít nhất một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành (nhưng tại cuộc họp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và bất kỳ một người nào nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu). Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3- Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và 18.

4- Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng hạng.

Điều 16: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo

1- Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Điều 12.5b hoặc 12.5c.

2- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị một danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với Pháp luật và các quy định của Công ty;

b) Xác định thời gian và địa điểm đại hội; và

c) Thông báo cho tất cả các Cổ đông về đại hội và gửi thông báo đại hội cho họ.

3- Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Nếu Cổ đông đã thông báo cho

Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể được gửi trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi họ làm việc. Thông báo phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Nếu Công ty có Website, thông báo về họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.

4- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 10.4 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này nếu:

- a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn;
- b) Vấn đề đề xuất không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;

d) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên.

6- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7- Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

8- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 16.3 của Điều lệ này.

9- Nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông thì những nghị quyết được đại hội nhất trí thông qua đều là hợp lệ ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý.

Điều 17: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông

1- Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, hoặc nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó chủ tịch Hội đồng hoặc bất kỳ người nào khác do đại hội bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra Chủ tọa của đại hội, chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa đề cử một người làm thư ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp và nếu đại hội không bầu thì chủ tọa sẽ chọn những người

đó. Tên chủ tọa và số phiếu bầu cho chủ tọa (trường hợp bầu chủ tọa), tên thành viên Ban kiểm phiếu và số phiếu bầu của từng thành viên phải được công bố.

2- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3- Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lưu các biên bản và gửi cho tất cả các Cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được Chủ tọa đại hội và thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.

4- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai cần có số thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Khi Đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong Đại hội lần này bất kỳ số lượng Cổ đông hay đại diện uỷ quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

5- Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

6- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Thông qua định hướng phát triển công ty;

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

c) Thông qua giao dịch mua, bán tài sản của công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của công ty và các chi nhánh của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;

d) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

e) Tổ chức lại, giải thể công ty;

f) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty trừ trường hợp quy định tại điều 13.2;

g) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán.

7- Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

8- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

9- Trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.

10- Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối nghị quyết đó sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành.

11- Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

12- Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

13- Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn một Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội, (b) hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các vấn đề lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

14- Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 13 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

15- Chủ tọa của Đại hội hoặc thư ký Đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

16- Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền muốn tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi đại hội.

17- Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:

- a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính hợp Đại hội cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự Đại hội (hoặc tiếp tục tham dự)

Hội đồng quản trị có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

18- Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp này, khi xác định địa điểm Đại hội, Hội đồng quản trị có thể:

a) Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó ("**Địa điểm đại hội chính**");

b) Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm Đại hội chính có thể đồng thời tham dự Đại hội.

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

19- Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm Đại hội chính.

Điều 18: Phê chuẩn các nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản

1- Các nghị quyết có thể được các Cổ đông đại diện cho ít nhất 75% quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại Khoản 2 của Điều này.

2- Hội đồng quản trị có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của Cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi văn bản.

a) Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo Điều lệ này và Pháp luật.

b) Gửi phiếu bầu và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông để các Cổ đông này có thể ra các quyết định có đầy đủ thông tin.

c) Quyết định kết quả bỏ phiếu và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày sau ngày ghi trong lá phiếu mà vào ngày đó các lá phiếu sẽ được gửi trả lại.

3- Nghị quyết được thông qua bằng hình thức gửi văn bản theo quy định tại Khoản 1 của Điều này có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

VII- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19: Thành phần và nhiệm kỳ

1- Số thành viên của Hội đồng quản trị sẽ không ít hơn 5 người và không nhiều hơn 11 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Khi bầu các thành viên Hội đồng quản trị, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất một phần ba số thành viên phải được bầu hoặc bầu lại tại mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên. Ít nhất một phần ba số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập không điều hành.

2- Đề cử người vào Hội đồng quản trị:

a) Mỗi Cổ đông nắm giữ hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.

b) Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên của Hội đồng quản trị. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nếu chiếm từ 30% đến 50% thì họ được đề cử 2 thành viên; nếu từ 50% đến 70% thì họ được đề cử 3 thành viên; và nếu lớn hơn 70% thì họ được đề cử 4 thành viên.

3- Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.

c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi.

d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4- Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Thành viên hội đồng quản trị được chỉ định để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng thường niên tiếp theo.

Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một nửa so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một nửa để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5- Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên ít nhất 2 tờ báo kinh tế chính thức được nhiều người biết đến tại Việt Nam trong vòng 5 ngày kể từ sau khi bổ nhiệm.

6- Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 20: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1- Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên Hội đồng quản trị có nắm giữ cổ phiếu không được chuyển nhượng cổ phần của Công ty do họ sở hữu trong suốt thời gian đương nhiệm trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của công ty phải cam kết nắm giữ ít nhất 50% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 03 năm, kể từ ngày niêm yết.

2- Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý khác.

3- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- b) Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c) Bổ nhiệm và bãi miễn các thành viên là Người quản lý khác của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- d) Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp vào công ty khác; quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- e) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay bất kỳ Người quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm, nếu có.
- g) Thực hiện các khiếu nại của Công ty về Người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại Người quản lý đó;
- h) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- i) Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
- j) Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- k) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty; tổ chức việc chi trả cổ tức;

l) Đề xuất việc tái cơ cấu lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

o) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Luật doanh nghiệp.

4- Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b) Thành lập các Công ty con của Công ty;

c) Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định, tùy từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tó m Công ty và liên doanh) trừ trường hợp được quy định tại Điều 120.2 Luật doanh nghiệp đều phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty;

đ) Việc vay nợ và việc thực hiện thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty;

e) Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

f) Mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài

g) Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng;

i) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

j) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

5- Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng đối với Tổng giám đốc điều hành và những Người quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.

6. Quyền được cung cấp thông tin của Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và các đơn vị trong công ty.

b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

7- Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho viên chức cấp dưới và các Người quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác.

8- Các thành viên Hội đồng quản trị (không kể các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng hoặc nếu không thoả thuận được thì chia đều.

Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của công ty.

9- Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không), hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10- Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, và Thành viên Hội đồng quản trị

1- Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Nếu các cổ đông chấp thuận rằng Chủ tịch có thể đồng thời là Tổng giám đốc điều hành, quyết định này cần phải được khẳng định lại hàng năm vào kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ hành động với tư cách Chủ tịch nếu được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ lý do nào đó thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số.

3- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4- Khi cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 22: Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

1- Một thành viên Hội đồng quản trị (nhưng không phải người đã được cử thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc bất kỳ người nào được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng nhận nhiệm vụ này, làm người thay thế mình và được rút lại người thay thế đó.

2- Người được cử thay thế có quyền nhận thông báo về mọi cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định họ cũng là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại bất kỳ cuộc họp nào mà ở đó thành viên Hội đồng quản trị chỉ định họ không có mặt, và được uỷ quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt nhưng không được nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình với tư cách là một người thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho người thay thế không có mặt tại Việt Nam.

3- Người thay thế sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu người chỉ định họ mất tư cách ấy. Nhưng nếu một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng Cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

4- Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế sẽ được thực hiện bằng một văn bản thông báo do thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế ký gửi cho Công ty hoặc theo một hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

5- Ngoài những quy định khác trong Điều lệ này, người thay thế một thành viên sẽ được coi như là một thành viên của Hội đồng quản trị về mọi phương diện và sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân cho hành vi và sự sai lầm của mình mà không được coi là đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 23: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1- Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch của Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.

2- Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) nhân viên quản lý;
- b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc;
- d) Đa số thành viên trong Ban Kiểm soát.

3- Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4- Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5- Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

6- Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng 05 ngày trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên Hội đồng có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên của Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

7- Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các Nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

8- Biểu quyết

a) Trừ quy định tại mục 8b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết.

b) Một thành viên Hội đồng sẽ không được biểu quyết khi có một hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất nào được đưa ra mà thành viên đó hoặc những Người liên quan của họ, có lợi ích ở trong đó và lợi ích này có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Khi ấy thành viên này sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết cho cuộc họp bàn về vấn đề liên quan.

c) Theo tinh thần của mục 8d Điều này, trong một cuộc họp nào đó của Hội đồng quản trị trong đó có nêu lên vấn đề lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc về quyền biểu quyết của họ nhưng không được giải quyết bằng cách thành viên liên quan tự nguyện bỏ quyền biểu quyết, thì vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp và phán quyết định của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc mức độ lợi ích của thành viên liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

d) Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 120.1 của Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

9- Tuyên bố lợi ích: Khi một thành viên Hội đồng, bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp, hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự định ký kết với Công ty, thì người ấy phải tuyên bố về bản chất, nội dung quyền lợi của mình ở trong đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị xem xét để quyết định ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó đã biết là mình có lợi ích; còn nếu chưa biết, thì sẽ phải tuyên bố tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng được tổ chức sau khi biết mình có hoặc sẽ có lợi ích.

10- Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.

11- Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho Thư ký

không muộn hơn một (01) tiếng đồng hồ trước thời gian dự họp dự kiến. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp

12- Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác cùng một lúc.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13- Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây:

- a) Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng;
- b) Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng.

Loại nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

14- Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15- Những người được mời họp dự thỉnh: Tổng Giám đốc điều hành, những Người quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng.

16- Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành

viên của tiểu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) Nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

17- Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.

VIII- TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THU KÝ CÔNG TY

Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành hoặc một số Phó Tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó Tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 25. Người quản lý

1- Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại Người quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2- Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng của những Người quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 26. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành.

1- Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2- Nhiệm kỳ: Chủ tịch HĐQT có thể làm Tổng giám đốc điều hành. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 5 năm trừ khi Hội đồng quản trị quy định thời gian khác nhỏ hơn. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành viên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3- Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Kiến nghị về số lượng và các chức danh quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý.

d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương trợ cấp, lợi ích; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

e) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.

f) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm.

g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và Pháp luật.

4- Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông: Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nghiệp vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5- Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị này kiêm Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Điều 27: Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những Điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng Thư ký Công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a) Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b) Làm biên bản các cuộc họp;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

IX- NHIỆM VỤ ĐƯỢC UỶ THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 28. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Người quản lý.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Người quản lý là những người được Cổ đông ủy quyền khi thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả khi là thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, và do vậy họ phải thi hành nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty theo quy định của Điều 118 Luật doanh nghiệp.

2- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Người quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

3- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và Người quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Họ chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên khác không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

4- Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Người quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5- Theo Điều 120 của Luật doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty và một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc bất kỳ Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá chỉ vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc chỉ vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc chỉ vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ hai mươi (20)% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty trở xuống, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản

trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã có phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những Cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng hay các Cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

5- Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, một nhân viên quản lý hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 30. Trách nhiệm và bồi thường

1- Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2- Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong một vụ khiếu nại, khởi kiện đã, đang hoặc có thể sẽ diễn ra; dù là một vụ dân sự hay hành chính (mà không phải là sự kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty); nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý, nhân viên hoặc người được uỷ quyền của Công ty (hay công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý, nhân viên hoặc người được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác theo sự yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty). Chi phí được bồi thường bao gồm: các khoản chi tiêu phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), án phí, các khoản phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc trên trong khuôn khổ luật pháp; với điều kiện là đương sự đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn đúng cách và người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không ngược lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát giác hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm vào trách nhiệm của mình. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những sự bồi thường nêu trên.

X- BAN KIỂM SOÁT

Điều 31: Bổ nhiệm Ban Kiểm Soát

1- Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c) Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 10.4 của Điều lệ này; và có quyền:

- Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập.

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

- Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý

e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 10.4 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

f) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 119 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

h) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, Pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2- Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3- Cổ đông và nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát.

a) Mỗi Cổ đông nắm giữ hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát.

b) Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên của Ban kiểm soát. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào Ban kiểm soát; nếu chiếm từ 30% đến 50% thì họ được đề cử 2 thành viên; nếu từ 50% đến 70% thì họ được đề cử 3 thành viên; và nếu lớn hơn 70% thì họ được đề cử 4 thành viên.

4- Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, có nhiệm kỳ tối đa 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Khi bầu thành viên của Ban kiểm soát, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất một phần ba số thành viên Ban kiểm soát phải được bầu mới hoặc bầu lại vào mỗi kỳ Đại hội cổ đông thường niên.

5- Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát và thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

6- Ban kiểm soát có từ ba đến năm thành viên, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập bên ngoài hoặc nhân viên của chính công ty. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 122 Luật Doanh nghiệp. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Chủ tịch Ban kiểm soát.

b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; và

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

7- Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

8- Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn 2 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 2 người.

9- Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 122 Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

d) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;

10- Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

11- Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

XI- QUYỀN KIỂM SOÁT SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 32: Quyền kiểm soát sổ sách và hồ sơ

1- Mọi Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong Điều 19.2 và 31.3 đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2- Thành viên hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và Người quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3- Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Đăng ký Kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4- Mọi Cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Nếu Công ty có một website, Điều lệ này phải được đưa lên website đó.

XII- CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 33: Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc điều hành sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Người quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và Pháp luật.

XIII- PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 34: Cổ tức

1- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất một cách trung thực sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2- Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3- Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.

4- Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.

5- Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

6- Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.

7- Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.

8- Theo Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khóa sổ) làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

XIV- TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 35: Tài khoản ngân hàng

1- Công ty sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2- Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật, nếu cần thiết.

3- Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 36: Trích lập Quỹ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo qui định của Pháp luật và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lợi nhuận được phân bổ như sau:

a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ: Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn Điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn Điều lệ của Công ty.

b) Quỹ khen thưởng và phúc lợi: Hàng năm công ty sẽ trích một khoản không lớn hơn 10% lợi nhuận sau thuế của Công ty để làm Quỹ khen thưởng phúc lợi. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định số lượng trích quỹ khen thưởng phúc lợi hàng năm.

c) Các quỹ khác nếu có do Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị và được Đại Hội đồng cổ đông Công ty phê chuẩn hàng năm.

Điều 37: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đó.

Điều 38: Hệ thống kế toán

1- Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2- Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3- Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 39: Báo cáo hàng năm

1- Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của Pháp luật và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2- Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty là một Công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.

Điều 40: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước (nếu có) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XVI- KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 41: Kiểm toán

1- Tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm, Đại hội sẽ thông qua một danh sách các Công ty kiểm toán độc lập lựa chọn từ danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận để kiểm toán cho các công ty niêm yết để tiến hành các hoạt động kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính tiếp theo. Hội đồng quản trị sẽ quyết định lựa chọn chính thức một Công ty kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp giấy đăng ký kinh doanh.

2- Công ty sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

3- Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.

4- Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5- Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII- CON DẤU

Điều 42: Con dấu

1- Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp luật.

2- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

XVIII- CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 43: Chấm dứt hoạt động

1- Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a) Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành;

b) Khi các cổ đông nắm giữ ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua ủy quyền biểu quyết giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty.

c) Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.

2- Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể Công ty trước thời hạn đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 44: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các Cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

1- Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2- Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3- Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 45: Thanh lý

1- Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3- Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d) Các khoản vay (nếu có);

e) Các khoản nợ khác của Công ty;

f) Số dư còn lại sau khi đi thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX- GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 46: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1- Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

(i) Một Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty; hoặc

(ii) Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay Người quản lý cao cấp.

Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2- Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án kinh tế.

3- Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

XX- SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 47: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1- Việc bổ sung hay sửa đổi bản Điều lệ này phải được lập dưới hình thức một dự thảo để Đại hội đồng Cổ đông thông qua với ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông bằng hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trừ trường hợp quy định tại điểm (g) Điều 13.2.

2- Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI- NGÀY HIỆU LỰC

Điều 48: Ngày hiệu lực

1- Bản Điều lệ này gồm XXI chương 49 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 13 tháng 10 năm 2006 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2- Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

2.1. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương

2.2. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2.3. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty .

4- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 49: Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị

1. Họ tên: TRƯƠNG GIA BÌNH Chữ ký_____

2. Họ tên: LÊ QUANG TIẾN Chữ ký_____

3. Họ tên: BUI QUANG NGOC Chữ ký_____

4. Họ tên: HOÀNG MINH CHÂU Chữ ký_____

5. Họ tên: PHAN NGÔ TÔNG HUNG Chữ ký_____

6. Họ tên: ĐỖ CAO BẢO Chữ ký_____

7. Họ tên: TRƯƠNG THỊ THANH THANH Chữ ký_____

8. Họ tên: NGUYỄN THÀNH NAM Chữ ký_____

9. Họ tên: NGUYỄN ĐIỆP TÙNG Chữ ký_____

10. Họ tên: HOÀNG NAM TIẾN Chữ ký_____

11. Họ tên: TRƯƠNG ĐÌNH ANH Chữ ký_____

PHỤ LỤC 01

CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY Và TỶ LỆ CỔ PHẦN SỞ HỮU CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TẠI NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY

1. Chi tiết Vốn Điều lệ của Công ty

STT	Tháng	Vốn điều lệ (đồng)	Ghi chú
1	04/2002	20,000,000,000	Cổ phần hóa
2	04/2003	30,000,000,000	Tăng vốn từ KDKQ năm 2002
3	10/2003	150,000,000,000	Phát hành thêm cổ phần
4	05/2004	189,752,500,000	Tăng vốn từ KDKQ năm 2003
5	01/2005	263,252,500,000	Phát hành thêm cổ phần
6	08/2005	362,084,900,000	Tăng vốn từ KQKD năm 2004
7	06/2006	547,292,000,000	Tăng vốn từ KQKD năm 2005
8	10/2006	608,102,300,000	Tăng vốn từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược năm 2006

2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các Cổ đông Sáng lập tại ngày Thành lập Công ty

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tổng Trị giá (Đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Bộ Tài chính cử người quản lý phần vốn nhà nước là ông: Trương Gia Bình	-	102,000	10,200,000,000	51%
2	Lê Quang Tiến	P11-K2B-TT Cty FPT, P. Cống vi, Q. Ba Đình, Hà nội	4,508	450,800,000	2.25%
3	Bùi Quang Ngọc	63B, Tổ3, P. Láng Thượng, Q. Ba Đình, Hà nội	3,594	359,400,000	1.80%
4	Phan Ngô Tổng Hưng	Số 10 Đặng Tất, P. Quán Thánh, Q. Ba Đình, Hà nội	2,764	276,400,000	1.38%
5	Hoàng Minh Châu	101Bis Võ Văn Tần, P.6, Q.3, TP.HCM	2,757	275,700,000	1.38%
6	Trương Thị Thanh Thanh	150/29-31 Trần Tuấn Khải, P5, Q.5, TP.HCM	2,134	213,400,000	1.07%
7	Đỗ Cao Bảo	P25-K1, TT Cty FPT,	2,744	274,400,000	1.37%

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tổng Trị giá (Đồng)	Tỷ lệ (%)
		P. Công Vị, Q. Ba Đình, Hà nội			
8	Nguyễn Thành Nam	48 Liên Trì, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà nội	2,744	274,400,000	1.37%
9	Nguyễn Điệp Tùng	B1, TT Lazer, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà nội	1,689	168,900,000	0.84%
10	và 628 người lao động khác	-	75,066	7,506,600,000	37.53%